TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **422**/2024/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Thủ Đức, ngày 30 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 3171/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Ngô Thị Thanh L, sinh năm 1972
Địa chỉ: Tổ 9, Khu phố 5, phường Phước Long B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Và ông Trần Hồng H, sinh năm 1974
Địa chỉ: Tổ 9, Khu phố 5, phường Phước Long B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Ngô Thị Thanh L và ông Trần Hồng H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn năm 1998 tại Ủy ban nhân dân phường Phước Bình, Quận 9 nay là thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số 01/1998.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt, đôi bên không có sự thông cảm, chia sẻ với nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, tình cảm lạnh nhạt. Ông bà đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay ông bà xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Ngô Thị Thanh L và ông Trần Hồng H tự khai có 02 người chung tên Trần Đ, sinh năm 2000 đã trưởng thành và Trần K, sinh năm 2015. Khi ly hôn, hai bên thỏa thuận giao trẻ K cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, việc giao nhận tiền cấp dưỡng do đôi bên tự thực hiện vào ngày 01 (dương lịch) hàng tháng, bắt đầu từ tháng 02 năm 2024 cho đến khi trẻ K đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông H tự khai không có.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 22 tháng 01 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 người chung tên Đ, sinh năm 2000 đã trưởng thành và K, sinh năm 2015. Giao bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ K. Ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, việc giao nhận tiền cấp dưỡng do đôi bên tự thực hiện vào ngày 01 (dương lịch) hàng tháng, bắt đầu từ tháng 02 năm 2024 cho đến khi trẻ K đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi đối với số tiền cấp dưỡng chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức tiền cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự khai không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà L, ông H mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 đồng mà bà L, ông H đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng số: 0000238 ngày 29 tháng 12 năm

2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L, ông H đã nộp đủ lệ phí.

3. Giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số 01/1998, đăng ký năm 1998 do Ủy ban nhân dân phường Phước Bình, Quận 9 nay là thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà L và ông H không còn giá trị pháp lý.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- UBND phường Phước Bình;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Thái Thị Cẩm Hiền